CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cảng Cam Ranh

Ngày 30/06/2025	12,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.7%	**1.4%**	**0.7%**

DT thuần
Q2/25
59.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.2| 25.9%
YoY: ▲ 11.0| 22.8%

LN thuần
Q2/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.85| 58.0%
YoY: ▲ 5.02| 91.8%

LN sau thuế
Q2/25
5.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.44| 8.5%
YoY: ▲ 0.85| 17.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
12.1%
YoY: +/-▼ 2.2%

ROE (TTM)
Q2/25
6.6%
YoY: +/-▲ 0.4%

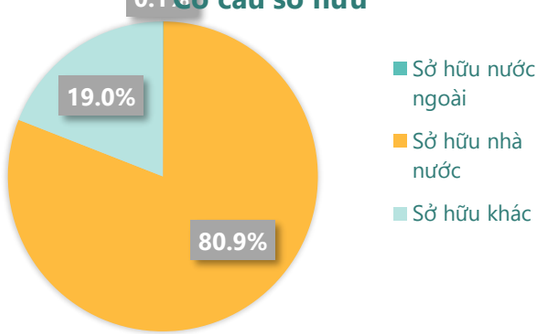
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,363 - 15,311
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	308
Số lượng CPLH (CP)	24,453,617
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,380
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.46
EPS	758
P/E	16.6

DT thuần
6T 2025
106
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.1| 23.8%

LN thuần
6T 2025
17.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.80| 65.6%

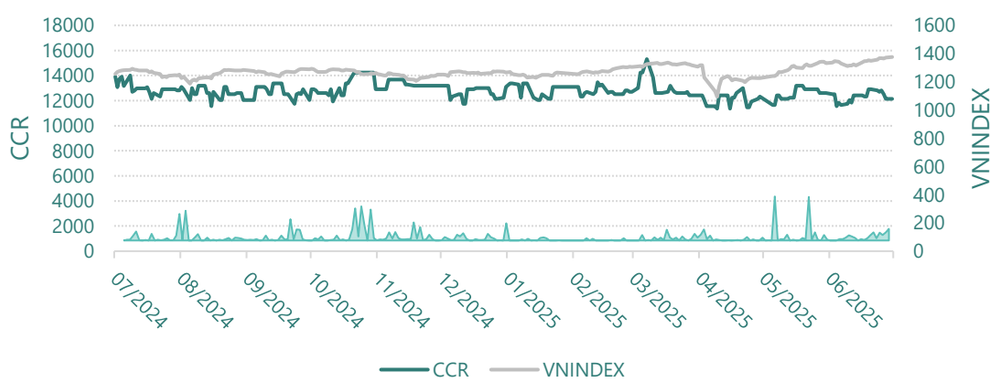
LN sau thuế
6T 2025
10.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.03| 23.4%

Cơ cấu sở hữu

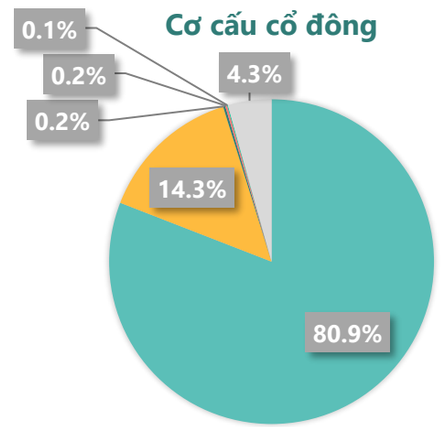


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

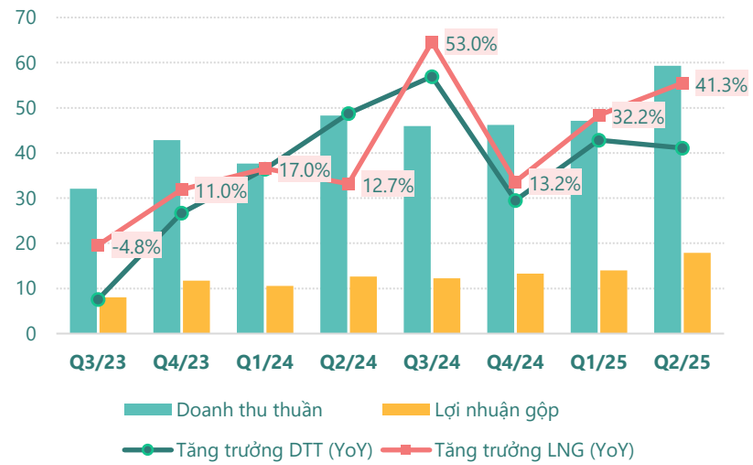


- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- CTCP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân
- Phạm Hữu Tấn
- CTCP Cảng Cam Ranh
- Nguyễn Thị Ngọc Hòa
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

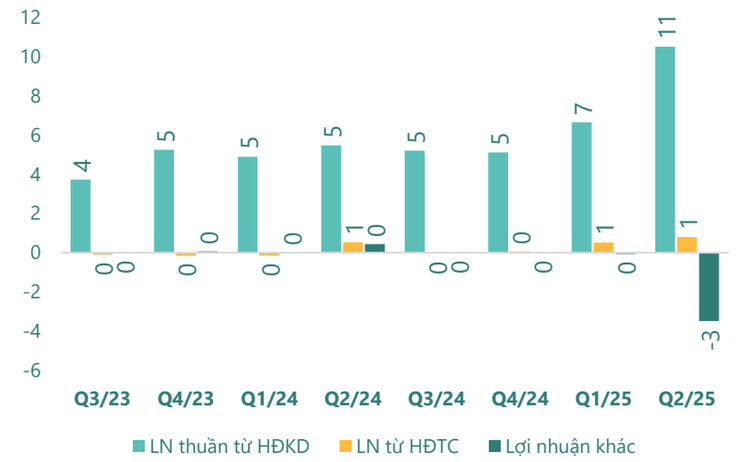
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



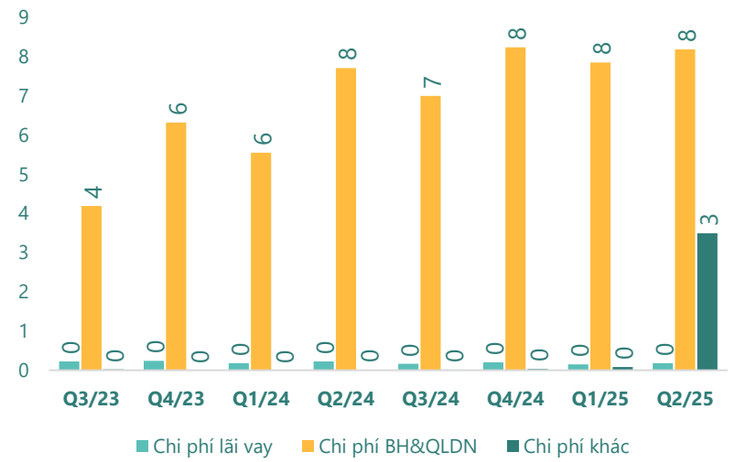
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



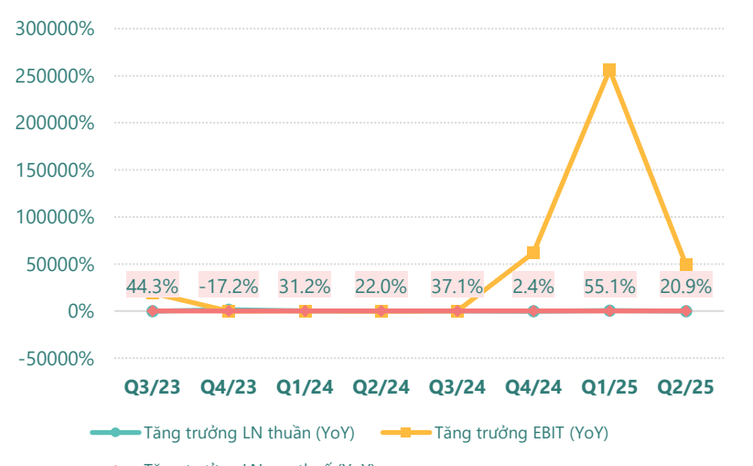
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



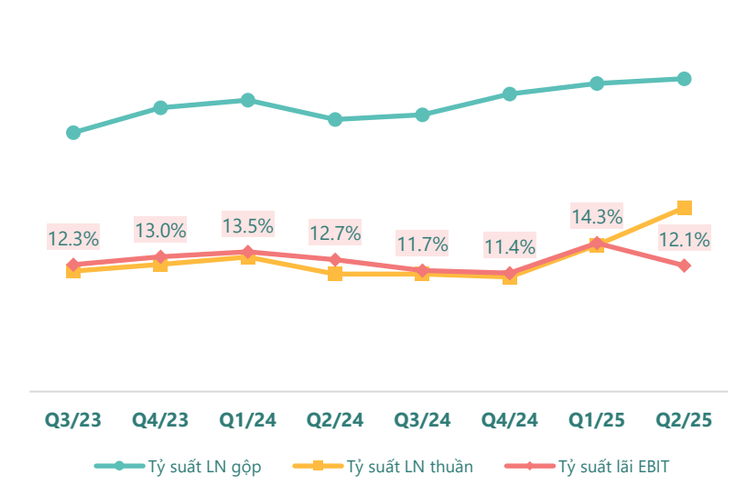
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



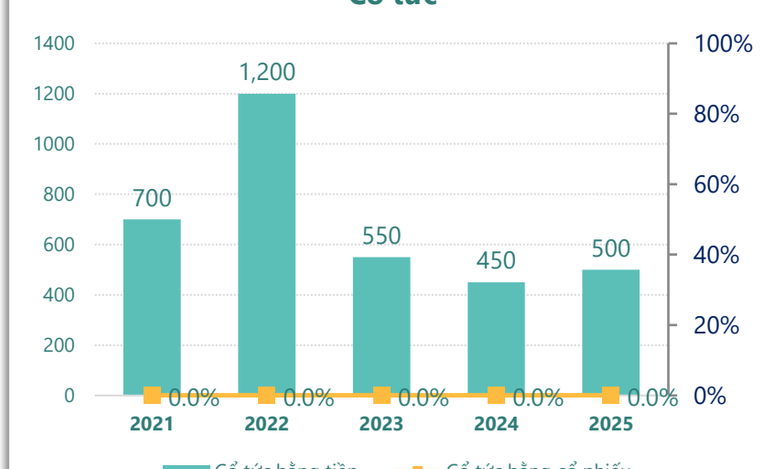
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

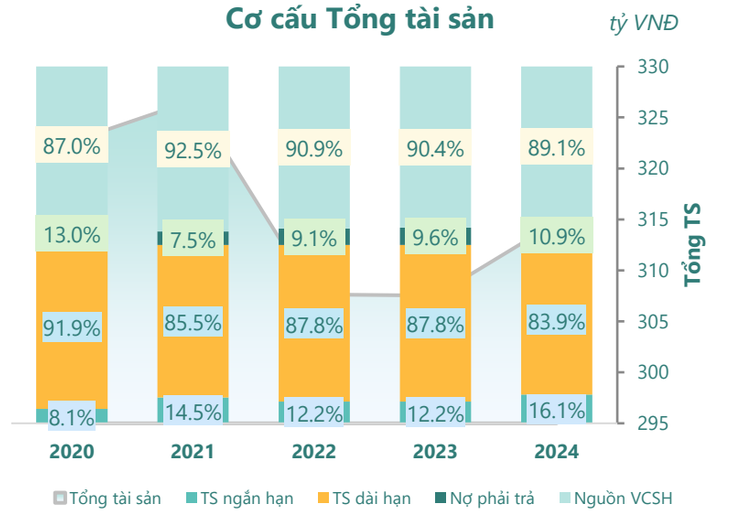
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

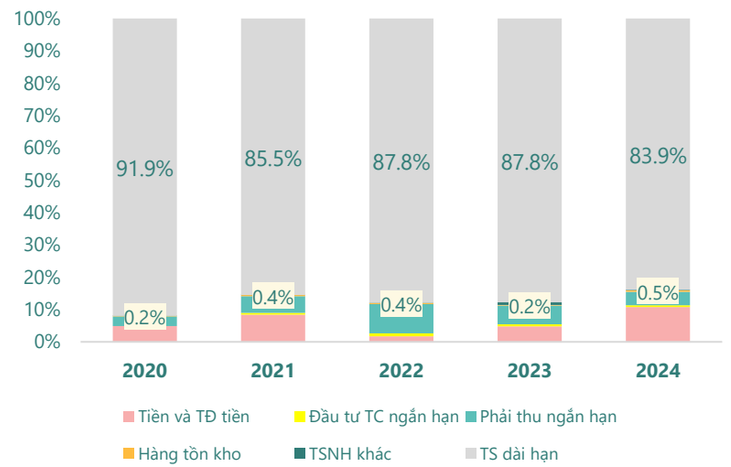
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



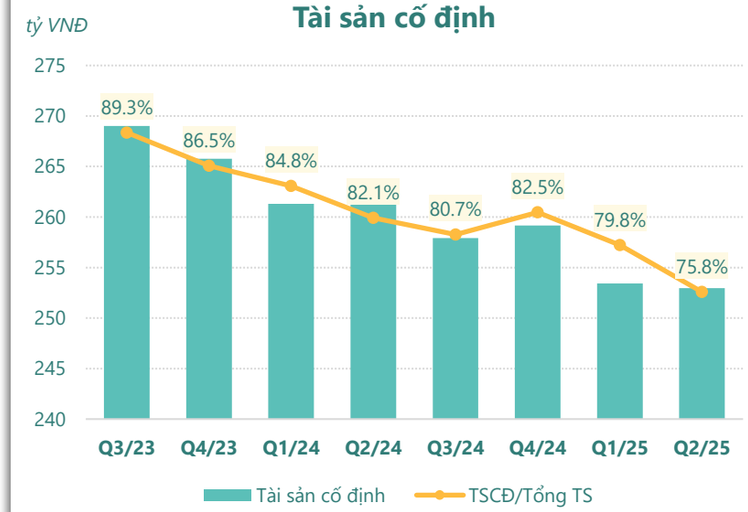
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



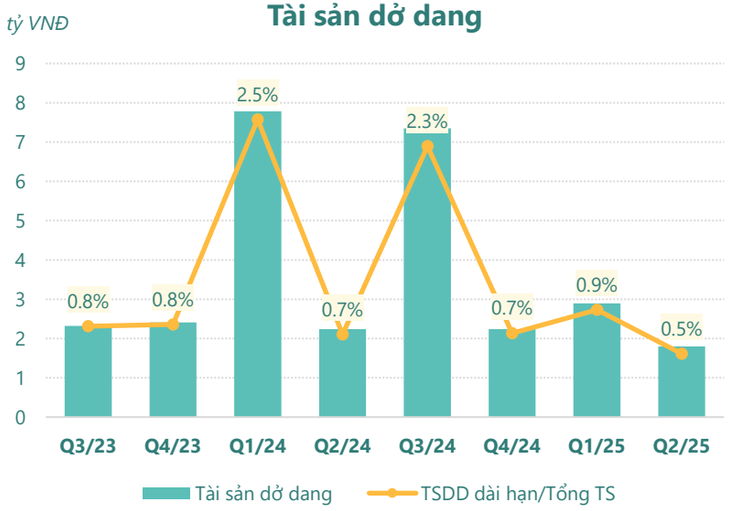
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



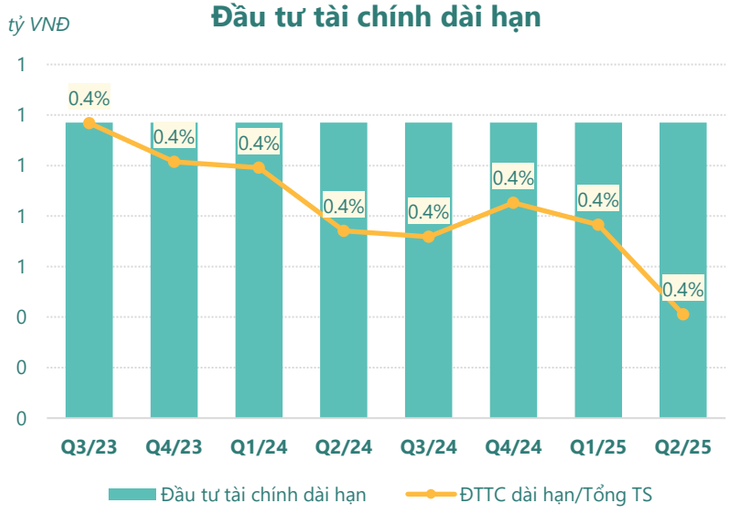
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



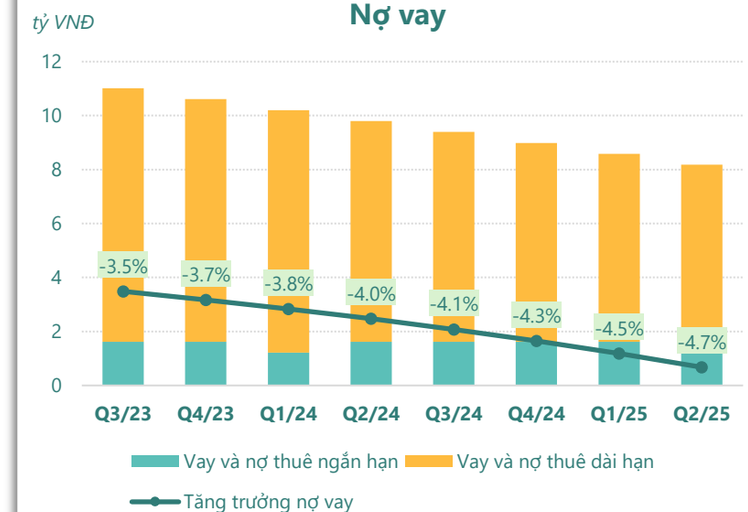
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

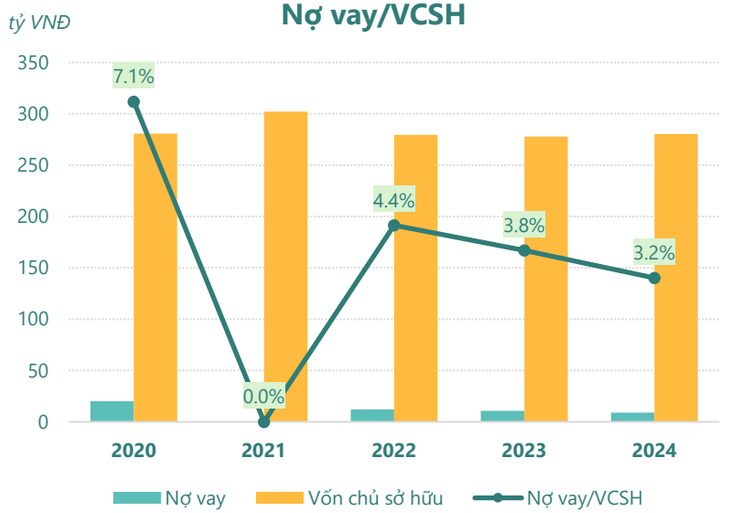
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

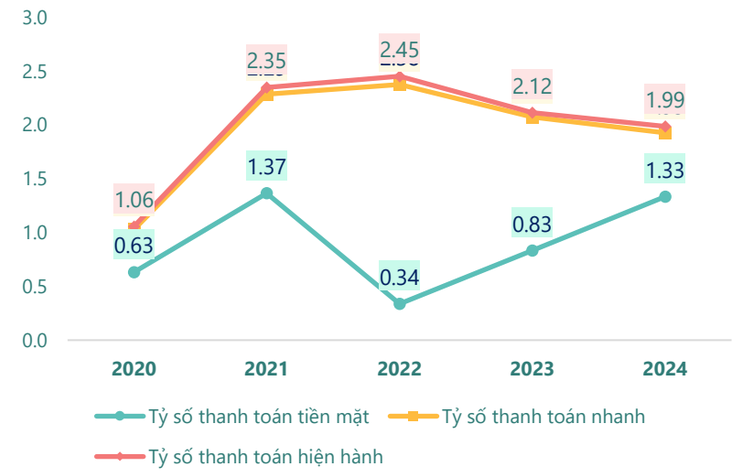
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



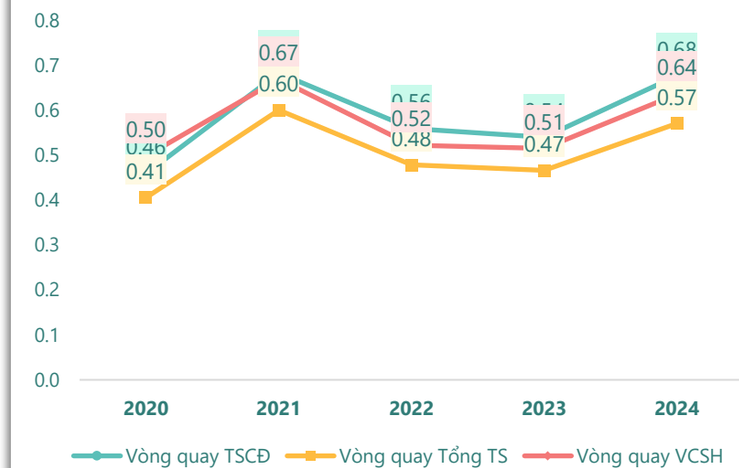
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



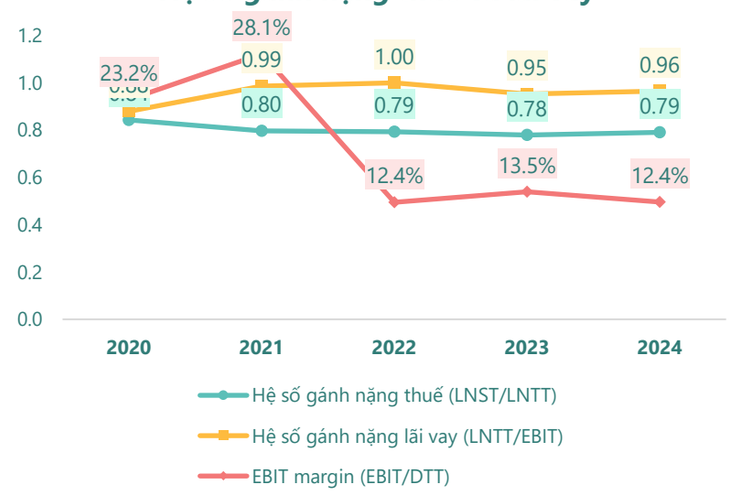
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



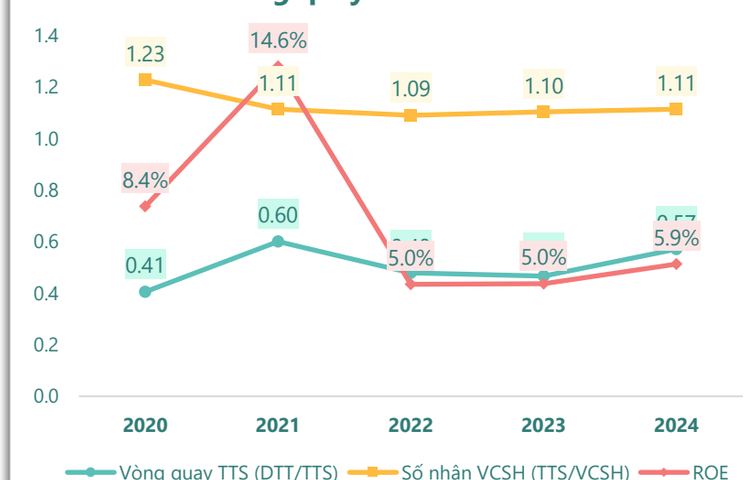
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



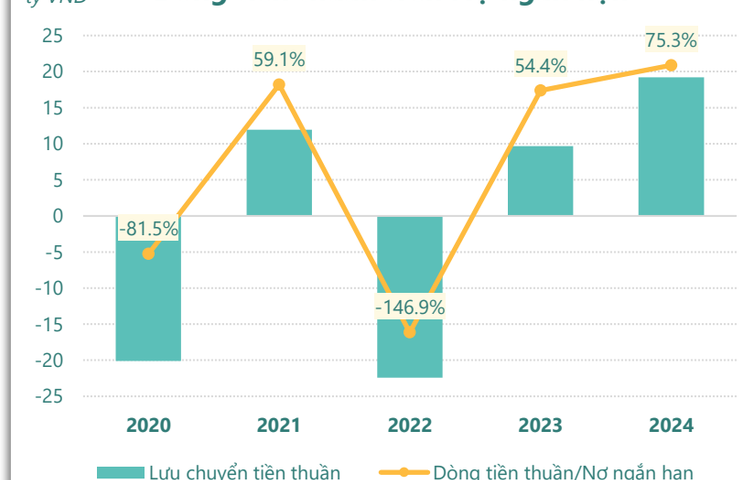
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**59.3**	**48.3**	**22.8%**	**106**	**85.9**	**23.8%**
Giá vốn hàng bán	41.4	35.6	16.3%	74.5	62.7	18.9%
Lợi nhuận gộp	17.9	12.7	40.9%	31.9	23.2	37.2%
Doanh thu HĐTC	0.98	0.75	31.1%	1.65	0.79	110%
Chi phí TC	0.18	0.22	-18.3%	0.33	0.41	-18.4%
Chi phí lãi vay	0.18	0.22	-18.3%	0.33	0.41	-18.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.07	0.07	-3.5%	0.14	0.14	-0.9%
Chi phí QLDN	**8.12**	**7.64**	**6.3%**	**15.9**	**13.1**	**21.2%**
LN thuần từ HĐKD	10.5	5.48	91.8%	17.2	10.4	65.6%
Lợi nhuận khác	**-3.49**	**0.44**	**-893%**	**-3.55**	**0.45**	**-895%**
LN trước thuế	7.02	5.92	18.6%	13.6	10.8	25.9%
Lợi nhuận sau thuế	**5.57**	**4.72**	**17.9%**	**10.7**	**8.67**	**23.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.38**	**4.60**	**16.9%**	**10.4**	**8.43**	**23.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.09	13.1	11.7	11.5	1.95	14.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.21	2.99	-4.65	-4.40	0.03	-4.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-1.15	-11.4	-0.41	-0.41	-0.75
Tiền đầu kỳ	14.8	16.7	31.6	27.3	34.0	35.6
Lưu chuyển tiền thuần	**1.88**	**14.9**	**-4.31**	**6.70**	**1.57**	**9.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.7	31.6	27.3	34.0	35.6	45.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**334**	**315**	**6.1%**
Tài sản ngắn hạn	75.1	50.6	48.2%
Tiền và tương đương tiền	45.1	34.0	32.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	23.1	13.1	75.7%
Hàng tồn kho	1.79	1.51	19.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.64	0.51	613%
Tài sản dài hạn	**259**	**264**	**-2.0%**
Phải thu dài hạn	0.10	0.10	0.0%
Tài sản cố định	253	259	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.80	2.24	-19.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.17	1.17	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.68**	**1.45**	**84.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	59.4	34.2	73.6%
Nợ ngắn hạn	**52.8**	**25.5**	**107%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.62	1.62	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.22	6.55	40.8%
Nợ dài hạn	6.62	8.73	-24.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.56	7.37	-11.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**274**	**281**	**-2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**274**	**281**	**-2.2%**
Vốn điều lệ	245	245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)